

Số: 1025/QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
đối với Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Lê Thăng
thuộc Công ty TNHH Lê Thăng MEDICAL

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 10/4/2026 của Đoàn thẩm định theo Quyết định số 838/QĐ-SYT ngày 08/4/2026 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh, Báo cáo khắc phục tồn tại sau thẩm định của Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Lê Thăng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Lê Thăng thuộc Công ty TNHH Lê Thăng MEDICAL, cụ thể như sau:

- Số giấy phép hoạt động: 1163/BN-GPHĐ do Sở Y tế Bắc Ninh cấp ngày 15/5/2026.
- Hình thức tổ chức: Phòng khám răng hàm mặt.
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 2401032919 do Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/7/2025.
- Địa chỉ hoạt động: Lô 09-LK02, khu đô thị Đức Giang, xã Đồng Việt, tỉnh Bắc Ninh.



- Thời gian làm việc: Từ 07h30 đến 19h00 thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần.

- Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 27304.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sĩ Phan Xuân Trường, chứng chỉ hành nghề số 000111/BG-CCHN do Sở Y tế tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/11/2012; Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Được phép thực hiện **74** danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (theo Phụ lục 01 đính kèm).

- Danh sách đăng ký hành nghề: 02 người hành nghề (theo Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Lê Thăng thuộc Công ty TNHH Lê Thăng MEDICAL có trách nhiệm tổ chức, triển khai đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được phê duyệt, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định Bộ Y tế, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật khác liên quan trong quá trình hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng các Phòng, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Lê Thăng thuộc Công ty TNHH Lê Thăng MEDICAL và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- UBND xã Đồng Việt;
- Các phòng thuộc Sở;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế;
- Lưu: VT, QLHN.



Nguyễn Thị Thu Hương

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT NHA KHOA LÊ THẮNG
THUỘC CÔNG TY TNHH LÊ THẮNG MEDICAL**

(Kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-SYT ngày 15/5/2026 của Sở Y tế Bắc Ninh)

TT	TT theo TT23 (Cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
2.	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
3.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi.
4.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng.
5.	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.
6.	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay.
7.	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy.
8.	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA.
9.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi.
10.	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn.
11.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại.
12.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite.
13.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite.
14.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement.
15.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement.
16.	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite.
17.	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay.
18.	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau.
19.	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp.
20.	14394	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy

21.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc.
22.	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại).
23.	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
24.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại.
25.	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ.
26.	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ.
27.	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần.
28.	14423	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ.
29.	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
30.	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
31.	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường.
32.	14428	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ.
33.	14429	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ.
34.	14430	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ.
35.	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần.
36.	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon.
37.	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại.
38.	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium.
39.	14439	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
40.	14441	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần.
41.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường.
42.	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường.
43.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo.
44.	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo.
45.	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
46.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
47.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
48.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
49.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
50.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
51.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
52.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn.
53.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay.
54.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
55.	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa.
56.	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
57.	14527	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới

58.	14533	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng.
59.	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp.
60.	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp.
61.	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement.
62.	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement.
63.	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt.
64.	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
65.	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
66.	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa.
67.	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit.
68.	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
69.	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement.
70.	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn.
71.	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa.
72.	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa.
73.	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
74.	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)

Tổng: 74 kỹ thuật.

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT NHA KHOA LÊ THẮNG
THUỘC CÔNG TY TNHH LÊ THẮNG MEDICAL

(Kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-SYT ngày 15/5/2026 của Sở Y tế Bắc Ninh)

TT	Họ tên	Số CCHN, GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB khác (nếu có)
1.	Phan Xuân Trường	000111/BG- CCHN cấp ngày 19/11/2012	KBCB chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Từ 07h30 đến 19h từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám	Không
2.	Lê Văn Thắng	007640/TB- CCHN cấp ngày 26/12/2018	Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng nha khoa	Từ 07h30 đến 19h từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần	Giúp việc bác sĩ tại phòng khám	Không

